

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Từ ngày 11-20/6/2026)**

I. DIỄN BIẾN THỦY VĂN ĐÃ QUA (TỪ NGÀY 01-10/6/2026)

Từ ngày 01-10/6/2026, dòng chảy các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến như sau:

+ Trên sông Vu Gia biến đổi chậm. Mực nước trung bình ở mức thấp hơn TBNN cùng thời kỳ, riêng Thành Mỹ ở mức cao hơn.

+ Trên sông Hàn dao động theo dòng chảy trên thượng nguồn đổ về và chế độ thủy triều. Mực nước trung bình ở mức cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Trên sông Thu Bồn biến đổi chậm. Mực nước trung bình ở mức xấp xỉ, thấp hơn TBNN cùng thời kỳ, riêng tại Cầu Lâu và Hội An ở mức cao hơn.

+ Trên sông Tam Kỳ dao động theo thủy triều. Mực nước trung bình ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại Nông Sơn thấp hơn 19% so với TBNN cùng kỳ, sông Vu Gia tại Thành Mỹ thấp hơn 89% so với TBNN.

Hiện nay, mực nước trên các hồ chứa thủy điện thượng nguồn sông Vu Gia-Thu Bồn ở mức thấp hơn mực nước dâng bình thường từ 6.1-19.1m. Dung tích các hồ đạt từ 56-81% so với dung tích ứng với mực nước dâng bình thường.

Tình hình hồ chứa thủy điện lúc 7h ngày 11/6/2026

STT	Hồ chứa	H (m)	Chênh lệch so với HDBT (m)	So với % dung tích ứng với MNDBT
1	A Vương	360.9	-19.1	56
2	Sông Bung 4	213.3	-9.2	74
3	ĐakMi 4a	251.9	-6.1	81
4	Sông Tranh 2	158.9	-16.1	60

II. DỰ BÁO, CẢNH BÁO (TỪ NGÀY 11-20/6/2026)

2.1. Diễn biến xu thế mực nước

Từ ngày 11-20/6/2026, dòng chảy các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến như sau:

+ Trên sông Vu Gia biến đổi chậm. Mức nước trung bình ở mức thấp hơn TBNN cùng thời kỳ, riêng tại Thành Mỹ ở mức cao hơn.

+ Trên sông Hàn dao động theo dòng chảy trên thượng nguồn đổ về và chế độ thủy triều. Mức nước trung bình ở mức cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Trên sông Thu Bồn biến đổi chậm. Mức nước trung bình ở mức xấp xỉ, thấp hơn TBNN cùng thời kỳ, riêng tại Câu Lâu, Hội An ở mức cao hơn.

+ Trên sông Tam Kỳ dao động theo chế độ triều. Mức nước trung bình ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại Nông Sơn thấp hơn 23% so với TBNN cùng kỳ, sông Vu Gia tại Thành Mỹ thấp hơn 90% so với TBNN

(Trị số mực nước thực đo và dự báo các trạm chi tiết ở phụ lục gửi kèm).

2.2. Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm: Xâm nhập mặn có khả năng xuất hiện tại hạ lưu các sông

2.3. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế- xã hội: Xâm nhập mặn có khả năng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ven sông và nguồn nước sinh hoạt.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 16h00 ngày 21 tháng 6 năm 2026

Tin phát lúc: 16h00.

Nơi nhận:

- BCH PCTT TP.Đà Nẵng;
- Sở TN & MT TP.Đà Nẵng;
- Sở NN & PT NT TP.Đà Nẵng;
- Các Trạm KTTV_HV tại Đà Nẵng(email);
- Lãnh đạo Đài (email);
- Lưu Phòng Dự báo, VT/Đài.

**TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG DỰ BÁO KTTV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hải

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: m

TT	Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo 10 ngày tới						Dự báo		
						5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
			Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
1	Vu Gia	Thành Mỹ	11.15	11.51	11.04	11.17	11.4	11.05	11.15	11.25	11.05	11.16	11.4	11.05
2		Hội Khách	8.04	8.4	7.87	8.05	8.40	7.90	8.05	8.40	7.90	8.05	8.40	7.90
3		Ái Nghĩa	2.24	2.54	1.90	2.25	2.60	2.10	2.25	2.50	2.00	2.25	2.60	2.00
4	Hàn	Cẩm Lệ	-0.04	0.43	-0.54	-0.04	0.40	-0.40	-0.05	0.45	-0.50	-0.05	0.45	-0.50
5	Thu Bồn	Hiệp Đức	12.94	13.53	11.87	12.9	13.5	11.9	12.9	13.5	11.9	12.9	13.5	11.9
6		Nông Sơn	3.87	4.23	3.33	3.80	4.20	3.40	3.80	4.20	3.35	3.80	4.20	3.35
7		Giao Thủy	0.35	0.85	-0.01	0.40	0.60	0.10	0.35	0.80	0.05	0.38	0.80	0.05
8		Câu Lâu	0.05	0.59	-0.52	0.05	0.50	-0.40	0.05	0.60	-0.50	0.05	0.60	-0.50
9		Hội An	0.00	0.54	-0.60	0.00	0.45	-0.40	0.00	0.55	-0.60	0.00	0.55	-0.60
10	Tam Kỳ	Tam Kỳ	0.07	0.67	-0.51	0.10	0.40	-0.40	0.07	0.65	-0.50	0.09	0.65	-0.50

Lưu ý: Mực nước trên sông Vu Gia còn phụ thuộc vào quá trình vận hành của các hồ chứa thủy điện

Bảng 2: Bảng lưu lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: m³/s

TT	Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo 10 ngày tới						Dự báo		
						5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
			Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
1	Vu Gia	Thành Mỹ	5.41	14.3	4.55	5.77	11	5.40	5.41	7.34	4.60	5.59	11	4.60
2	Thu Bồn	Nông Sơn	92.5	136	43.7	85	132	48.9	85	132	45.2	85	132	45.2

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



